

Bản án số: 470/2021/DS-PT  
Ngày: 17-05-2021  
V/v tranh chấp về thừa kế tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Ngọc Hương

*Các Thẩm phán:*

Bà Phạm Thị Kim

Ông Uông Văn Tuấn

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Vũ Khắc - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:** Ông Nguyễn Văn Hoàng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 17/05/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 634/2020/TLPT- DS ngày 01/12/2020 về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 830/2020/DS-ST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện L, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1551/2021/QĐPT- DS ngày 07/04/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 4461/2021/QĐPT- DS ngày 29/04/2021 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Bà Huỳnh Thị Nh, sinh năm: 1964

Địa chỉ: 84/11B Tổ 11, Ấp 4, xã K, huyện L, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Phương T, sinh năm 1974, địa chỉ: 183 Nguyễn Đình Chính, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

**2. Bị đơn:** Ông Huỳnh Thanh H1, sinh năm: 1972.

Địa chỉ: 79/6 Ấp 4, xã K, huyện L, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông H1: Ông Lê Kiên L, sinh năm: 1981, địa chỉ: 137A Thành Công, phường Tân Thành, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. (Văn bản ủy quyền 16/7/2020)(có mặt)

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

**3.1. Bà Huỳnh Thị X, sinh năm: 1961**

Địa chỉ: 79/6B Ấp 4, xã K, huyện L, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của Bà X: Bà Nguyễn Thị Ngọc G, sinh năm: 1982, địa chỉ: 79/6B Ấp 4, xã K, huyện L, Thành phố Hồ Chí Minh. (Văn bản ủy quyền 21/7/2020).

3.2. Bà Đào Thị B, sinh năm: 1971

Địa chỉ: 79/6 Ấp 4, xã K, huyện L, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Kiên L, sinh năm: 1981, địa chỉ: 137A Thành Công, phường Tân Thành, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. (Văn bản ủy quyền 02/11/2020) (có mặt)

3.3. Ông Huỳnh Thanh T1, sinh năm: 1992.

3.4. Bà Huỳnh Thanh Th1, sinh năm: 1994.

3.5. Ông Huỳnh Thanh T2, sinh năm: 1995.

3.6. Cháu Huỳnh Thanh Tr, sinh năm: 2006.

Người đại diện theo pháp luật của cháu Trọng: Ông Huỳnh Thanh H1, sinh năm: 1972.

3.7. Bà Trần Thị Thùy Tr2, sinh năm: 1982.

3.8. Bà Châu Thúy L, sinh năm: 1967.

3.9. Ông Đỗ Văn Th, sinh năm: 1989

3.10. Ông Nguyễn Văn H3, sinh năm: 1985.

3.11. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm: 1988.

Cùng địa chỉ: 79/6 Ấp 4, xã K, huyện L, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.12. Bà Nguyễn Thị Ngọc G, sinh năm: 1982.

3.13. Bà Nguyễn Thanh T3, sinh năm: 1984.

3.14. Ông Lê Thanh D3, sinh năm 1980.

3.15. Cháu Huỳnh Mai Tr3, sinh năm: 2006.

Người đại diện theo pháp luật của cháu Trinh: Bà Nguyễn Thanh T3, sinh năm: 1984.

3.16. Cháu Lê Thanh Tr4, sinh năm: 2011.

3.17. Cháu Lê Thanh D4, sinh năm: 2014.

Người đại diện theo pháp luật của cháu Trúc, cháu Duy: Bà Nguyễn Thị Ngọc G, sinh năm: 1982.

Cùng địa chỉ: 79/6 Ấp 4, xã K, huyện L, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.18. Ngân hàng Thương mại cổ phần DTVN.

Địa chỉ: 35 Hàng Vôi, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng: Ông Võ Bá T5 - Chức vụ: Phó Giám đốc phụ trách Phòng giao dịch Hậu Nghĩa.

Địa chỉ: Tỉnh lộ 8, Ô7, Khu B, Thị trấn X, huyện Y, tỉnh Long An.

(Đại diện nguyên đơn và bị đơn có mặt; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được tổng đạt và có yêu cầu xét xử vắng mặt).

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện, bản tự khai, biên bản làm việc, biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Nh trình bày:*

Trong thời gian chung sống, ông Huỳnh Văn B1 và bà Hà Thị L4 có 03 tất cả con chung tên là Huỳnh Thị X, Huỳnh Thị Nh và Huỳnh Thanh H1. Bà Huỳnh Thị Nh xác định bà Hà Thị L4 dù trên giấy khai sinh của bà Huỳnh Thị Nh thể hiện tên là Hà Thị L4 nhưng do bà Hà Thị L4 đổi tên thành Hà Thị L4 nên Hà Thị L4 và Hà Thị L4 thực tế là cùng một người, là mẹ ruột của bà Huỳnh Thị Nh; ông Huỳnh Thanh H1 dù trên giấy khai sinh thể hiện tên Hà Thanh H1 nhưng Huỳnh Thanh H1 và Hà Thanh H1 thực tế là cùng một người, là con ruột của ông Huỳnh Văn B1 và bà Hà Thị L4, là em ruột của bà Huỳnh Thị Nh.

Ông Huỳnh Văn B1 và bà Hà Thị L4 có cùng tạo lập phần đất có diện tích  $2.551\text{m}^2$ , thuộc thửa đất số 2210, 2212, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại xã K, huyện L, Thành phố Hồ Chí Minh. Do ông Huỳnh Văn B1 chết trước nên phần đất đã được Ủy ban nhân dân huyện L, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận: 1229 QSDĐ/25/5/93 ngày 28/5/1993 cho bà Hà Thị L4. Năm 1972, ông Huỳnh Văn B1 chết không để lại di chúc. Sau khi ông Huỳnh Văn B1 chết, bà Hà Thị L4 sống cùng với vợ chồng ông Huỳnh Thanh H1 và bà Đào Thị tại phần đất trên. Những lúc bà Hà Thị L4 bị ốm đau đều do ông Huỳnh Thanh H1 và bà Đào Thị trực tiếp chăm sóc, còn bà Huỳnh Thị Nh và bà Huỳnh Thị X sinh sống ở nơi khác nhưng cũng có về thăm nom bà Hà Thị L4. Năm 2018, bà Hà Thị L4 chết không để lại di chúc, bà Huỳnh Thị Nh có yêu cầu ông Huỳnh Thanh H1 phân chia phần đất do bà Hà Thị L4 để lại có diện tích còn lại là  $938\text{m}^2$ , thuộc thửa đất số 2210, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại xã K, huyện L, Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, ông Huỳnh Thanh H1 không đồng ý phân chia vì ông Huỳnh Thanh H1 cho rằng bà Hà Thị L4 đã lập di chúc cho ông Huỳnh Thanh H1 được hưởng thừa kế toàn bộ phần đất nêu trên.

Bà Huỳnh Thị Nh xác định di chúc lập ngày 29/5/2009 của bà Hà Thị L4 do ông Huỳnh Thanh H1 cung cấp đã được lập trái pháp luật, không hợp pháp. Bởi vì phần đất nêu trên là tài sản chung của ông Huỳnh Văn B1 và bà Hà Thị L4, khi ông Huỳnh Văn B1 chết không để lại di chúc nên việc bà Hà Thị L4 lập di chúc định đoạt luôn phần của ông Huỳnh Văn B1 mà không có ý kiến của các con là không đúng. Ngoài ra, tại thời điểm lập di chúc, bà Hà Thị L4 đã hơn 70 tuổi nhưng việc lập di chúc không có chứng nhận về tình trạng sức khỏe cũng như trong nội dung di chúc cũng không có người làm chứng chứng kiến việc lập di chúc.

Theo đơn khởi kiện, bà Huỳnh Thị Nh yêu cầu Tòa án phân chia di sản thừa kế của ông Huỳnh Văn B1 và bà Hà Thị L4 để lại là phần đất có diện tích  $938\text{m}^2$ , thuộc thửa đất số 2212, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại xã K, huyện L, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định của pháp luật. Bà Huỳnh Thị Nh yêu cầu được hưởng phần đất có diện tích  $200\text{m}^2$  trong khối di sản thừa kế. Theo đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện, bà Huỳnh Thị Nh giữ nguyên yêu cầu phân chia di sản thừa kế của ông Huỳnh Văn B1 và bà Hà Thị L4 để lại có diện tích  $938\text{m}^2$ , thuộc thửa

đất số 2212, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại xã K, huyện L, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định của pháp luật. Bà Huỳnh Thị Nh yêu cầu được hưởng phần đất qua đo vẽ có diện tích 189,7m<sup>2</sup> trong khối di sản thừa kế. Đồng thời, yêu cầu hủy di chúc lập ngày 29/5/2009 của bà Hà Thị L4 do di chúc được lập không hợp pháp. Khi lập di chúc bà L4 đã già yếu, không còn minh mẫn, sáng suốt và phần đất nêu trên là tài sản chung của ông Huỳnh Văn B1 và bà Hà Thị L4 nên bà Hà Thị L4 không có quyền định đoạt di chúc một mình. Quá trình giải quyết vụ án, bà Huỳnh Thị Nh xác định di sản thừa kế của ông Huỳnh Văn B1 và bà Hà Thị L4 qua đo vẽ lại có diện tích 1.152,8m<sup>2</sup>, thuộc thửa đất số 2212, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại xã K, huyện L, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa, bà Huỳnh Thị Nh giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu phân chia di sản thừa kế của ông Huỳnh Văn B1 và bà Hà Thị L4 để lại có diện tích qua đo vẽ lại 1.152,8m<sup>2</sup>, thuộc thửa đất số 2212, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại xã K, huyện L, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định của pháp luật. Bà Huỳnh Thị Nh yêu cầu được hưởng 1/3 diện tích đất, nhưng do hiện trạng các bên đã sử dụng ổn định nên bà Huỳnh Thị Nh yêu cầu được nhận phần đất tại Khu 1 có diện tích 189,7m<sup>2</sup> theo bản đồ hiện trạng vị trí số hợp đồng: 105438/TTĐĐBĐ - CNHM do Trung tâm đo đạc bản đồ - Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 17/6/2020. Đồng thời, yêu cầu hủy di chúc lập ngày 29/5/2009 của bà Hà Thị L4 do di chúc được tạo lập không hợp pháp do không có bác sĩ chứng nhận đủ sức khỏe và không có người làm chứng. Đối với công trình xây dựng mà ông H1 và Bà B đã xây dựng trên phần đất tại Khu 1 trên bản đồ hiện trạng vị trí, bà Huỳnh Thị Nh đồng ý thanh toán lại cho ông Huỳnh Thanh H1 và bà Đào Thị số tiền là 300.000.000 đồng sau khi bà Huỳnh Thị Nh được nhận đất. Đối với phần nhà đất có diện tích 200m<sup>2</sup> do bà Huỳnh Thị X quản lý, sử dụng nằm trong khối di sản thừa kế của ông Huỳnh Văn B1 và bà Hà Thị L4, do bà Huỳnh Thị X có cung cấp được Giấy cho đất của bà Hà Thị L4 và đã quản lý, sử dụng ổn định từ khi được cho đất đến nay nên bà Huỳnh Thị Nh không có ý kiến hay tranh chấp gì.

*Theo bản tự khai, biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn ông Huỳnh Thanh H1 có người đại diện theo ủy quyền là ông Lê Kiên L trình bày:*

Trong thời gian chung sống, ông Huỳnh Văn B1 và bà Hà Thị L4 (còn có tên gọi khác là Hà Thị L4) có tất cả 03 con chung tên Huỳnh Thị X, Huỳnh Thị Nh và Huỳnh Thanh H1 (còn có tên gọi khác là Hà Thanh H1) đúng như phần trình bày của bà Huỳnh Thị Nh. Khi ông Huỳnh Văn B1 chết vào năm 1972, ông Huỳnh Văn B1 và bà Hà Thị L4 không có tài sản chung. Sau đó, bà L4 đã tự tạo lập và được công nhận là chủ hợp pháp quyền sử dụng đất có diện tích 2.551m<sup>2</sup>, thuộc thửa đất số 2210, 2212, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại xã K, huyện L, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận: 1229 QSDĐ/25/5/93 do Ủy ban nhân dân huyện L, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28/5/1993 cho bà Hà Thị L4, cụ thể: số thửa 2212 có diện tích 1.557m<sup>2</sup> và số thửa 2210 có diện tích 994m<sup>2</sup>. Năm 1995, bà Hà Thị L4 đã chuyển nhượng phần đất có tổng diện tích 1.413m<sup>2</sup>, thuộc thửa đất số 2210,

2212, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại xã K, huyện L, Thành phố Hồ Chí Minh cho bà Phạm Thị Thanh L. Bà Phạm Thị Thanh L đã được Ủy ban nhân dân huyện L, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Ngày 14/6/2006, bà Hà Thị L4 có làm giấy cho bà Huỳnh Thị X phân đất có diện tích 200m<sup>2</sup>, thuộc thửa đất số 2212, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại xã K, huyện L, Thành phố Hồ Chí Minh, tuy bà Huỳnh Thị X vẫn quản lý, sử dụng cho đến nay nhưng chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi chuyển nhượng và tặng cho, phần đất còn lại thuộc quyền sử dụng của bà Hà Thị L4 có diện tích 938m<sup>2</sup>. Ngày 29/05/2009, bà Hà Thị L4 lập di chúc cho ông Huỳnh Thanh H1 được hưởng toàn bộ phần đất còn lại có diện tích 938m<sup>2</sup>, thuộc thửa đất số 2212, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại xã K, huyện L, Thành phố Hồ Chí Minh. Di chúc đã được chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện L, Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nội dung di chúc có sai sót về đánh máy khi bị sai số vào sổ cấp giấy chứng nhận mà bà Hà Thị L4 được cấp nhưng sai sót này không đáng kể do vẫn ghi đúng ngày, tháng, năm cấp sổ, mô tả đúng vị trí thửa đất cũng như diện tích đất thuộc quyền sử dụng của bà Hà Thị L4. Khi di chúc chưa có hiệu lực pháp luật (chưa đến thời điểm mở thừa kế) thì bà Hà Thị L4 tiến hành thủ tục tách phần đất nêu trên, trong đó gồm phần đất có diện tích 395m<sup>2</sup> (thửa đất mới số 509, tờ bản đồ số 23) và bà Hà Thị L4 đã được Ủy ban nhân dân huyện L, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BM 943920, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH 00111 ngày 21/01/2013. Sau đó, bà Hà Thị L4 lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho ông Huỳnh Thanh H1 tại Văn phòng công chứng Lý Thị Như Hòa ngày 16/3/2013. Ông Huỳnh Thanh H1 đã được Ủy ban nhân dân huyện L, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BO 050927, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH 00435 ngày 06/5/2013. Tiếp đến, ngày 11/9/2015 bà Hà Thị L4 lập Tờ cam kết có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã K, huyện L, Thành phố Hồ Chí Minh tặng cho vợ chồng ông Huỳnh Thanh H1 và bà Đào Thị phần đất còn lại có diện tích 448,3m<sup>2</sup>. Ông Huỳnh Thanh H1 và bà Đào Thị đã được Ủy ban nhân dân huyện L, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CC 858700, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH 02046 ngày 28/12/2015 với thửa đất mới số 530, tờ bản đồ số 23. Hiện nay, ông Huỳnh Thanh H1 và bà Đào Thị vẫn đang quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất được bà Hà Thị L4 tặng cho một cách ổn định và trên đất đã xây dựng nhà cửa kiên cố.

Tại phiên tòa, đối với yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Nh về việc chia thừa kế di sản của ông Huỳnh Văn B1 và bà Hà Thị L4 trong đó có phần đất của ông Huỳnh Thanh H1 và bà Đào Thị thì ông Huỳnh Thanh H1 không đồng ý. Bởi vì đây là tài sản mà bà Hà Thị L4 đã tặng cho ông Huỳnh Thanh H1 và bà Đào Thị lúc bà Hà Thị L4 còn sống, ông Huỳnh Thanh H1 và bà Đào Thị đã được Ủy ban nhân dân huyện L, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng theo quy định của pháp luật. Trường hợp Tòa án

phân chia di sản thừa kế theo yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Nh thì ông Huỳnh Thanh H1 yêu cầu bà Huỳnh Thị Nh phải thanh toán lại cho ông Huỳnh Thanh H1 và bà Đào Thị số tiền là 300.000.000 đồng tương ứng với giá trị còn lại của công trình xây dựng mà ông Huỳnh Thanh H1 và bà Đào Thị đã xây dựng trên đất. Đối với phần nhà đất có diện tích 200m<sup>2</sup> do bà Huỳnh Thị X quản lý, sử dụng, ông Huỳnh Thanh H1 và bà Huỳnh Thị X đang tự thỏa thuận với nhau về việc hoàn tất giấy tờ đất cho bà Huỳnh Thị X nên ông Huỳnh Thanh H1 không có ý kiến hay tranh chấp gì.

*Theo bản tự khai, biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị X có người đại diện theo ủy quyền là bà Nguyễn Thị Ngọc G trình bày:*

Trong thời gian chung sống, ông Huỳnh Văn B1 và bà Hà Thị L4 (còn có tên gọi khác là Hà Thị L4) có tất cả 03 con chung tên Huỳnh Thị X, Huỳnh Thị Nh và Huỳnh Thanh H1 (còn có tên gọi khác là Hà Thanh H1) đúng như phần trình bày của bà Huỳnh Thị Nh. Khi ông Huỳnh Văn B1 chết năm 1972, ông Huỳnh Văn B1 và bà Hà Thị L4 không có tài sản chung. Sau đó, bà Hà Thị L4 mới tạo lập được phần đất có diện tích 2.551m<sup>2</sup>, thuộc thửa đất số 2210, 2212, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại xã K, huyện L, Thành phố Hồ Chí Minh và đã được Ủy ban nhân dân huyện L, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận: 1229 QSDĐ/25/5/93 ngày 28/5/1993 cho bà Hà Thị L4. Năm 1995, bà Hà Thị L4 có chuyển nhượng phần đất thuộc quyền sử dụng nêu trên cho bà Phạm Thị Thanh L và bà Phạm Thị Thanh L đã được Ủy ban nhân dân huyện L, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Năm 2006, bà Hà Thị L4 đã lập Giấy cho đất cho bà Huỳnh Thị X phần đất có diện tích 200m<sup>2</sup> nằm trong phần đất còn lại sau khi chuyển nhượng cho bà Phạm Thị Thanh L có diện tích 1.138m<sup>2</sup>, thuộc thửa đất số 2212, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại xã K, huyện L, Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện nay, bà Huỳnh Thị X vẫn đang quản lý, sử dụng phần đất đã được bà Hà Thị L4 tặng cho. Bà Huỳnh Thị X với ông Huỳnh Thanh H1 đang tự thỏa thuận với nhau về việc hoàn tất giấy tờ đất và không có tranh chấp gì.

Ngày 28/7/2020, bà Huỳnh Thị X có đơn yêu cầu độc lập về việc không chấp nhận yêu cầu chia phần đất có diện tích 1.152,8m<sup>2</sup> của bà Huỳnh Thị Nh và yêu cầu công nhận phần đất có diện tích 200m<sup>2</sup>, trên đất có căn nhà địa chỉ: 79/6B Ấp 4, xã K, huyện L, Thành phố Hồ Chí Minh mà Bà X đang trực tiếp quản lý, sử dụng là tài sản riêng của bà Huỳnh Thị X. Ngày 17/9/2020, bà Huỳnh Thị X có đơn xin rút đơn yêu cầu độc lập.

*Theo bản tự khai, biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đào Thị trình bày:*

Bà Đào Thị thống nhất với phần trình bày của ông Huỳnh Thanh H1 và không có ý kiến gì. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Đào Thị không đồng ý đối với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Nh. Trường hợp Tòa án phân chia di sản thừa kế theo yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị

Nh thì ông Huỳnh Thanh H1 yêu cầu bà Huỳnh Thị Nh phải thanh toán lại cho ông Huỳnh Thanh H1 và bà Đào Thị số tiền là 300.000.000 đồng tương ứng với giá trị còn lại của công trình xây dựng mà ông H1 và Bà B đã xây dựng trên đất. Đối với phần nhà đất có diện tích 200m<sup>2</sup> do bà Huỳnh Thị X quản lý, sử dụng, bà Đào Thị không có ý kiến hay tranh chấp gì.

*Theo bản tự khai, biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Thanh T1 trình bày:*

Ông Huỳnh Thanh T1 thống nhất với phần trình bày của ông Huỳnh Thanh H1 và không có ý kiến gì.

*Theo bản tự khai, biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thanh Th1 trình bày:*

Bà Huỳnh Thanh Th1 thống nhất với phần trình bày của ông Huỳnh Thanh H1 và không có ý kiến gì.

*Theo bản tự khai, biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Thanh T2 trình bày:*

Ông Huỳnh Thanh T2 thống nhất với phần trình bày của ông Huỳnh Thanh H1 và không có ý kiến gì.

*Theo bản tự khai, biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Huỳnh Thanh Tr có người đại diện theo pháp luật là ông Huỳnh Thanh H1 trình bày:*

Cháu Huỳnh Thanh T2 có người đại diện theo pháp luật là ông Huỳnh Thanh H1 thống nhất với phần trình bày của ông Huỳnh Thanh H1 và không có ý kiến gì.

*Theo bản tự khai, biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Thùy Tr2 trình bày:*

Bà Trần Thị Thùy Tr2 có biết việc bà Huỳnh Thị Nh khởi kiện ông Huỳnh Thanh H1 về việc tranh chấp thừa kế phần nhà đất mà bà Tr2 đang thuê trọ. Bà Trần Thị Thùy Tr2 không biết gì về vụ kiện giữa các bên nên không có ý kiến. Trường hợp phát sinh vấn đề khác, bà Tr2 sẽ chuyển đi nơi khác và không có thắc mắc hay khiếu nại gì.

*Theo bản tự khai, biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Châu Thúy L trình bày:*

Bà Châu Thúy L có biết việc bà Huỳnh Thị Nh khởi kiện ông Huỳnh Thanh H1 về việc tranh chấp thừa kế phần nhà đất mà bà L đang thuê trọ. Bà Châu Thúy Liễu không biết gì về vụ kiện giữa các bên nên không có ý kiến. Trường hợp phát sinh vấn đề khác, bà L sẽ chuyển đi nơi khác và không có thắc mắc hay khiếu nại gì.

*Theo bản tự khai, biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Văn Th trình bày:*

Ông Đỗ Văn Th có biết việc bà Huỳnh Thị Nh khởi kiện ông Huỳnh Thanh H1 về việc tranh chấp thừa kế phần nhà đất mà ông Th đang thuê trọ. Ông Đỗ Văn Th không biết gì về vụ kiện giữa các bên nên không có ý kiến. Trường hợp phát sinh vấn đề khác, ông Th sẽ chuyển đi nơi khác và không có thắc mắc hay khiếu nại gì.

*Theo bản tự khai, biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H3 trình bày:*

Ông Nguyễn Văn H3 có biết việc bà Huỳnh Thị Nh khởi kiện ông Huỳnh Thanh H1 về việc tranh chấp thừa kế phần nhà đất mà ông Huỳnh đang thuê trọ. Ông Nguyễn Văn H3 không biết gì về vụ kiện giữa các bên nên không có ý kiến. Trường hợp phát sinh vấn đề khác, ông Huỳnh sẽ chuyển đi nơi khác và không có thắc mắc hay khiếu nại gì.

*Theo bản tự khai, biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị D trình bày:*

Bà Nguyễn Thị D có biết việc bà Huỳnh Thị Nh khởi kiện ông Huỳnh Thanh H1 về việc tranh chấp thừa kế phần nhà đất mà bà Dinh đang thuê trọ. Bà Nguyễn Thị D không biết gì về vụ kiện giữa các bên nên không có ý kiến. Trường hợp phát sinh vấn đề khác, bà Dinh sẽ chuyển đi nơi khác và không có thắc mắc hay khiếu nại gì.

*Theo bản tự khai, biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ngọc G trình bày:*

Bà Nguyễn Thị Ngọc G thống nhất với phần trình bày của bà Huỳnh Thị X và không có ý kiến gì.

*Theo bản tự khai, biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thanh T3 trình bày:*

Bà Nguyễn Thanh T3 thống nhất với phần trình bày của bà Huỳnh Thị X và không có ý kiến gì.

*Theo bản tự khai, biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Thanh D3 trình bày:*

Ông Lê Thanh D3 thống nhất với phần trình bày của bà Huỳnh Thị X và không có ý kiến gì.

*Theo bản tự khai, biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Huỳnh Mai Tr3 có người đại diện theo pháp luật là bà Nguyễn Thanh T3 trình bày:*

Cháu Huỳnh Mai Tr3 có người đại diện theo pháp luật là bà Nguyễn Thanh T3 thống nhất với phần trình bày của bà Huỳnh Thị X và không có ý kiến gì.

*Theo bản tự khai, biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Lê Thanh Tr4 và Lê Thanh D4 có người đại diện theo pháp luật là bà Nguyễn Thị Ngọc G trình bày:*

Cháu Lê Thanh Tr4 và Lê Thanh D4 có người đại diện theo pháp luật là bà Nguyễn Thị Ngọc G thống nhất với phần trình bày của bà Huỳnh Thị X và không có ý kiến gì.

*Theo bản tự khai, biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Thương mại cổ phần DTVN có người đại diện theo ủy quyền là ông Võ Bá T5 trình bày:*

Ông Huỳnh Thanh H1 có vay vốn tại Ngân hàng Thương mại cổ phần DTVN. Số tiền vay còn lại tính đến ngày 15/9/2020 là 6.595.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng sau:

\* Hợp đồng tín dụng số: 02/2018/8364791/HĐ ngày 11/4/2018:

- Số tiền vay ban đầu: 700.000.000 đồng.
- Mục đích vay vốn: Mua sắm trang thiết bị gia đình.
- Thời hạn vay: 60 tháng.

- Tính đến ngày 15/9/2020, ông Huỳnh Thanh H1 còn nợ số tiền 420.000.000 đồng, trong đó: nợ gốc 420.000.000 đồng và lãi trong hạn 492.493 đồng.

\* Hợp đồng tín dụng số: 01/2019/8364791/HĐ ngày 29/01/2019:

- Số tiền vay ban đầu: 250.000.000 đồng.
- Mục đích vay vốn: Mua sắm trang thiết bị gia đình.
- Thời hạn vay: 60 tháng.

- Tính đến ngày 15/9/2020, ông Huỳnh Thanh H1 còn nợ số tiền 175.000.000 đồng, trong đó: nợ gốc 175.000.000 đồng và lãi trong hạn 1.487.740 đồng.

\* Hợp đồng hạn mức số: 01/2020/8364791/HĐ ngày 27/02/2020:

- Số tiền vay ban đầu: 6.000.000.000 đồng.
- Mục đích vay vốn: Mua bán lúa gạo.
- Thời hạn vay: 12 tháng.

- Tính đến ngày 15/9/2020, ông Huỳnh Thanh H1 còn nợ số tiền 6.000.000.000 đồng, bao gồm các hợp đồng cụ thể sau:

+ Hợp đồng tín dụng số: 01.4/2020/8364791/HĐ ngày 15/6/2020:

- + Thời hạn vay: 05 tháng.
- + Nợ gốc: 1.500.000.000 đồng.
- + Lãi trong hạn: 10.130.137 đồng.

- + Hợp đồng tín dụng số: 01.5/2020/8364791/HĐ ngày 29/6/2020:
- + Thời hạn vay: 05 tháng.
- + Nợ gốc: 2.000.000.000 đồng.
- + Lãi trong hạn: 13.506.849 đồng.
- + Hợp đồng tín dụng số: 01.6/2020/8364791/HĐ ngày 08/7/2020:
- + Thời hạn vay: 05 tháng.
- + Nợ gốc: 1.000.000.000 đồng.
- + Lãi trong hạn: 6.753.425 đồng.
- + Hợp đồng tín dụng số: 01.7/2020/8364791/HĐ ngày 10/7/2020:
- + Thời hạn vay: 05 tháng.
- + Nợ gốc: 1.100.000.000 đồng.
- + Lãi trong hạn: 7.428.767 đồng.
- + Hợp đồng tín dụng số: 01.8/2020/8364791/HĐ ngày 07/9/2020:
- + Thời hạn vay: 05 tháng.
- + Nợ gốc: 400.000.000 đồng.
- + Lãi trong hạn: 745.205 đồng.

Tất cả các hợp đồng tín dụng trên được đảm bảo bằng các hợp đồng thế chấp tài sản như sau:

- Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 01/2016/8364791/HĐBĐ ngày 17/3/2016 với giá trị 4.415.000.000 đồng.
- Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 01/2019/8364791/HĐBĐ ngày 26/02/2019 với giá trị 4.480.000.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản thế chấp là 8.895.000.000 đồng.

Căn cứ vào Giấy cam kết ngày 15/9/2020 của ông Huỳnh Thanh H1 về việc cam kết sẽ tiếp tục trả tiền vay, Ngân hàng Thương mại cổ phần DTVN sẽ không khởi kiện ông Huỳnh Thanh H1 đối với số tiền vay còn nợ tại Ngân hàng trong vụ án tranh chấp thừa kế giữa ông Huỳnh Thanh H1 với bà Huỳnh Thị Nh.Trường hợp ông Huỳnh Thanh H1 có vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký thì Ngân hàng Thương mại cổ phần DTVN sẽ khởi kiện ông Huỳnh Thanh H1 trong vụ án khác.

Bản án sơ thẩm số 830/2020/DS-ST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện L, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên xử:

[1] Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Nh về việc yêu cầu Tòa án tuyên hủy di chúc lập ngày 29/5/2009 của bà Hà Thị L4; yêu cầu Tòa án phân chia di sản thừa kế của ông Huỳnh Văn B1 và bà Hà Thị L4 để lại theo quy định của pháp luật và yêu cầu nhận phần đất tại Khu 1 có diện tích 189,7m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 2212, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại xã K, huyện L, Thành phố Hồ Chí Minh theo bản đồ hiện trạng vị trí số hợp đồng: 105438/TTĐBĐĐ - CNHM do Trung tâm đo đạc bản đồ - Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 17/6/2020.

[2] Đình chỉ giải quyết yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị X về việc không chấp nhận yêu cầu chia phần đất có diện tích 1.152,8m<sup>2</sup> của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Nh và yêu cầu công nhận phần diện tích 200m<sup>2</sup>, trên đất có căn nhà địa chỉ: 79/6B Ấp 4, xã K, huyện L, Thành phố Hồ Chí Minh mà bà Huỳnh Thị X đang trực tiếp quản lý, sử dụng là tài sản riêng của bà Huỳnh Thị X.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, lệ phí, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Ngày 08/10/2020, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Nh kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 830/2020/DS-ST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện L

***Tại phiên tòa phúc thẩm:***

- Nguyên đơn có người đại diện theo ủy quyền không rút đơn khởi kiện và đơn kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

- Các đương sự vẫn giữ nguyên các ý kiến đã trình bày và không thỏa thuận được với nhau về cách giải quyết vụ án cũng như không nộp thêm chứng cứ gì khác ngoài các chứng cứ đã giao nộp tại cấp sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhận xét việc Thẩm phán chủ tọa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục được qui định tại Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Các đương sự được đảm bảo để thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Nh. Căn cứ khoản 1 điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 830/2020/DS-ST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện L, TP. Hồ Chí Minh, về án phí dân sự phúc thẩm nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm, sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Nh đảm bảo đúng quy định về thời hạn và thủ tục kháng cáo, do đó về hình thức là hợp lệ. Về người tham gia tố tụng trong vụ án và tổng đạt các văn bản tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và xác định đúng về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Nh kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm và yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm với lý do bản án sơ thẩm tuyên không đúng sự thật khách quan, không xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ của vụ án, thu thập các chứng cứ không đầy đủ.

[3] Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Nh, nhận thấy: Bà Nh khởi kiện yêu cầu Hủy di chúc ngày 29/5/2019 của bà Hà Thị L4; Phân chia di

sản thừa kế của ông Huỳnh Văn B1 và bà Hà Thị L4 để lại là nhà đất có diện tích 1.152,8m<sup>2</sup> theo quy định của pháp luật và xin được nhận phần đất có diện tích 189,7m<sup>2</sup> tại khu 1 trong khối di sản thuộc thửa đất số 2212, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại xã K, huyện L, Thành phố Hồ Chí Minh theo bản đồ hiện trạng vị trí hợp đồng số 105438/TTĐĐBĐ - CNHM do Trung tâm đo đạc bản đồ - Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 17/6/2020. Bà Nh, ông H1, bà ào Th (vợ ông H1), Bà X không có tranh chấp đối với phần đất có diện tích 200m<sup>2</sup> mà bà Hà Thị L4 đã tặng cho Bà X và phần diện tích 1.423m<sup>2</sup> thuộc thửa 2210 và 2212 mà bà L4 đã chuyển nhượng cho bà Phạm Thị Thanh L.

[4] Về hàng thừa kế: Căn cứ lời trình bày của nguyên đơn Bà Nh và bị đơn ông H1 tại phiên tòa sơ thẩm ngày 30/9/2020 (bl số 496) lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị X tại Biên bản hòa giải ngày 14/7/2020 và ngày 16/9/2020 (bl số 442, 449) đối chiếu với các lời khai của nguyên đơn Bà Nh tại Bản tự khai ngày 09/7/2019 (bl số 272) bị đơn ông H1 tại Bản tự khai ngày 30/7/2019 (bl số 278), Bà X tại Bản tự khai ngày 09/7/2019 (bl số 249) và các tài liệu có trong hồ sơ gồm: Xác nhận của công an huyện L (bl số 344); Công văn cung cấp tài liệu, chứng cứ số 2048/CAHM-QLHC ngày 31/7/2019 của Công an huyện L (bl số 324) thì có cơ sở xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Huỳnh Văn B1 bà Hà Thị L4 (còn gọi là Hà Thị L4, Linh) là ba người con chung: bà Huỳnh Thị X, bà Huỳnh Thị Nh và ông Huỳnh Thanh H1 (còn gọi là Hà Thanh H1).

[5] Về nguồn gốc tài sản:

Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Nh, bị đơn ông Huỳnh Thanh H1, người có quyền và nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị X, đều thừa nhận bà Hà Thị L4 được UBND huyện L cấp Giấy CNQSD đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận: 1229 QSDĐ/25/5/93 ngày 28/5/1993 diện tích đất là 2551m<sup>2</sup>, thuộc thửa đất số 2212 (diện tích 1557m<sup>2</sup>) và thửa 2210 (diện tích 994m<sup>2</sup>), tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại xã K, huyện L, Tp.HCM.

Tại Văn bản số: 2560/UBND ngày 08/8/2019 của UBND xã K, huyện L, Tp.HCM có nội dung: "*Nguồn gốc đất tranh chấp theo tài liệu năm 1990 do bà Hà Thị L4 kê khai, đăng ký, đứng tên trên sổ mục kê; theo tài liệu năm 2005 do bà Hà Thị L4 kê khai, đăng ký, đứng tên trên sổ dã ngoại; ngày 28/5/1993, bà Hà Thị L4 đã được Ủy ban nhân dân huyện L, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận: 1229 QSDĐ/25/5/93...*"(bl số 361). Tại tờ tường trình cam kết ngày 29/5/2009 (bl số 332) bà Hà Thị L4 xác định chồng bà là ông Huỳnh Văn B1 đã chết vào năm 1971. Phần đất theo giấy CNQSD đất do UBND huyện L cấp ngày 28/5/1993 là tài sản riêng do bà tự tạo lập bằng tiền riêng vào năm 1977. Theo giấy chứng từ số 719/TLKT-BS ngày 05/6/2019 thì ông Huỳnh Văn B1 chết năm 1972 (bl số 341). Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Nh cho rằng đây là tài sản chung của ông Huỳnh Văn B1 và bà Hà Thị L4. Tuy nhiên, bà Huỳnh Thị Nh không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh nhà đất trên là do ông B1 và bà L4 cùng tạo lập khi ông Huỳnh Văn B1 còn sống.

Từ tài liệu, chứng cứ nêu trên có đủ cơ sở xác định toàn bộ phần đất theo giấy CNQSD đất vào sổ cấp giấy chứng nhận: 1229 QSDĐ/25/5/93 do UBND huyện L cấp cho bà Hà Thị L4 ngày 28/5/1993 là tài sản riêng bà Hà Thị L4.

[6] Về di chúc do bà Huỳnh Thị Linh lập ngày 29/5/2009:

Như phân tích trên, nhà đất tranh chấp là tài sản riêng của bà L4, do đó bà L4 tự định đoạt đối với phần tài sản thuộc sở hữu của mình là phù hợp theo quy định tại điều 646, 648 BLDS năm 2005. Theo hồ sơ lưu trữ do UBND xã K cung cấp theo Công văn số 2937/UBND ngày 04/9/2019 thì hồ sơ lập di chúc có “Giấy chứng nhận sức khỏe” của bà L4 kết luận bà Hà Thị L4 đủ sức khỏe làm di chúc thừa kế (bl số 331) không thuộc trường hợp phải có người làm chứng theo quy định tại khoản 3 điều 652, điều 656 và khoản 2 điều 658 BLDS năm 2005. Sau khi lập di chúc ngày 29/5/2009 đến ngày 25/01/2013 thì bà Hà Thị L4 làm hồ sơ chỉnh lý biến động một phần thửa đất số 2122, tờ bản đồ số 3, diện tích 395m<sup>2</sup> để xin cấp giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và lập hợp đồng tặng cho ông Huỳnh Thanh H1 vào ngày 16/3/2013 tại Văn phòng công chứng Lý Thị Như Hòa. Đến ngày 31/12/2015 thì làm hồ sơ tách một phần thửa đất số 2122, tờ bản đồ số 3, diện tích 448,3m<sup>2</sup> để xin cấp giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho ông Huỳnh Thanh H1 và bà Đào Thị . Do đó có căn cứ xác định vào thời điểm lập di chúc ngày 29/5/2009, bà Hà Thị L4 tinh thần vẫn còn minh mẫn, sáng suốt, không bị lừa dối, đe dọa hoặc cưỡng ép. Phía nguyên đơn cho rằng tại thời điểm lập di chúc bà L4 đã lớn tuổi nhưng không có giấy khám sức khỏe và không có người làm chứng để làm căn cứ yêu cầu hủy di chúc là không phù hợp.

Về hình thức, di chúc được lập thành văn bản được chứng thực số 03, quyền số 01/2009-SCT/DC ngày 29/5/2009 tại UBND phường Xuân Thới Thượng, huyện L bởi người có thẩm quyền theo đúng như quy định pháp luật.

Về nội dung, tại thời điểm lập di chúc thì phần diện tích đất 2551m<sup>2</sup> thuộc quyền sử dụng của bà L4 (theo giấy CNQSD đất số vào sổ 1229 QSDĐ/25/5/93 ngày 28/5/1993). Sau khi trừ đi phần đất có diện tích 1.413m<sup>2</sup> đã chuyển nhượng cho bà Phạm Thị Thanh L và diện tích đất 200m<sup>2</sup> đã tặng cho bà Huỳnh Thị X thì phần diện tích 938m<sup>2</sup> còn lại (kết quả đo đạc thực tế là 1.152,8m<sup>2</sup>) bà L4 có quyền định đoạt mà không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Nội dung di chúc lập ngày 29/5/2009 và tờ tường trình cam kết cùng ngày của bà Hà Thị L4 có sai sót về đánh máy khi bị sai số vào sổ cấp giấy chứng nhận mà bà Hà Thị L4 được cấp nhưng sai sót này không đáng kể do vẫn ghi đúng ngày, tháng, năm cấp giấy chứng nhận, mô tả đúng vị trí thửa đất cũng như diện tích đất thuộc quyền sử dụng của bà Hà Thị L4. Nhận thấy, tại thời điểm lập di chúc bà L4 còn minh mẫn, sáng suốt, đủ năng lực hành vi dân sự, không bị ai đe dọa, ép buộc, di chúc được lập theo đúng quy định của pháp luật nên đã phát sinh hiệu lực và có giá trị thi hành kể từ thời điểm mở thừa kế là ngày bà L4 chết là ngày 02/12/2018 (theo giấy chứng tử số 62/TLKT-BS ngày 15/01/2019) (bl số 223). Nên việc nguyên đơn yêu cầu hủy di chúc của bà Hà Thị L4 lập ngày 29/5/2009 là không có cơ sở chấp nhận.

[7] Về di sản của bà Hà Thị L4:

Trong quá trình sử dụng, bà Hà Thị L4 đã tặng cho Bà X phần đất có diện tích  $200\text{m}^2$  và chuyển nhượng cho bà Phạm Thị Thanh L phần diện tích  $1.423\text{m}^2$  thuộc thửa 2210 và 2212. bà L4 chỉ còn lại phần đất có diện tích là  $938\text{m}^2$  (kết quả đo đạc thực tế là  $1.152,8\text{m}^2$ ) thuộc thửa đất số 2212, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại xã K, huyện L. Theo di chúc thì bà L4 muốn để lại toàn bộ di sản thừa kế là phần diện tích đất còn lại theo giấy chứng nhận là  $938\text{m}^2$  (theo kết quả đo đạc thực tế là  $1.152,8\text{m}^2$ ) thuộc thửa số 2212, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại xã K huyện L cho ông H1, điều này thể hiện ý chí bà L4 muốn định đoạt di chúc toàn bộ phần diện tích nhà đất trên cho ông H1.

Tuy nhiên sau khi lập di chúc thì bà Hà Thị L4 đã tiến hành thủ tục tách thửa phần đất đã định đoạt trong di chúc và tặng cho ông H1  $395\text{m}^2$  vào ngày 16/3/2013, ông H1 đã được UBND huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH00435 ngày 06/5/2013 (bl số 1827). Đến ngày 11/9/2015, bà L4 lập "Tờ cam kết" có xác nhận của UBND xã K, huyện L là tặng cho vợ chồng ông Huỳnh Thanh H1 và bà Đào Thị phần đất có diện tích  $448,3\text{m}^2$  và đã được cấp giấy CNQSD đất vào sổ cấp giấy chứng nhận CH02046 ngày 28/12/2015 cho ông H1 và Bà B (bl số 183). Như vậy sau khi lập di chúc, khi bà L4 còn sống thì bà L4 đã thực hiện việc tặng cho ông H1, Bà B tổng cộng phần đất có diện tích là  $395\text{m}^2 + 448,3\text{m}^2 = 843,3\text{m}^2$  thuộc thửa 2212, tờ bản đồ số 3.

Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 667 Bộ luật Dân sự năm 2005 thì: *“Di chúc không có hiệu lực pháp luật, nếu di sản để lại cho người thừa kế không còn vào thời điểm mở thừa kế; nếu di sản để lại cho người thừa kế chỉ là còn một phần thì phần di chúc về phần di sản còn lại vẫn có hiệu lực...”*. Theo đó, bà L4 chết ngày 02/12/2018 như vậy đến ngày 02/12/2018 thì một phần di sản là  $843,3\text{m}^2$  thuộc thửa số 2212 tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại xã K huyện L theo di chúc ngày 29/5/2009 không còn do đã được bà L4 tặng cho ông H1, Bà B và ông H1, Bà B đã được cấp giấy chứng nhận. Do đó di chúc trên chỉ còn hiệu lực đối với phần di sản là  $94,7\text{m}^2$ . Như vậy xác định phần diện tích còn lại  $94,7\text{m}^2$  thuộc thửa số 2212, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại xã K huyện L là di sản thừa kế của bà L4 và đã được bà L4 định đoạt bằng di chúc ngày 29/5/2009.

[8] Xét thấy, phần đất có diện tích  $94,7\text{m}^2$  thuộc thửa số 2212, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại xã K, huyện L mà bà L4 đã di chúc cho ông Huỳnh Thanh H1 thì Bà Nh không sinh sống trên phần đất này, không có công sức trong việc gìn giữ, bảo quản, tôn tạo di sản nên không thuộc trường hợp người thừa kế không phụ thuộc vào nội dung di chúc theo quy định tại điều 669 Bộ luật Dân sự năm 2005. Do đó cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc hủy di chúc, phân chia di sản thừa kế của ông Huỳnh Văn B1 và bà Hà Thị L4 để lại là có cơ sở chấp nhận.

[9] Đối với phần đất chênh lệch (sau khi lấy diện tích đo đạc thực tế là  $1.152,8\text{m}^2$  trừ đi phần diện tích là di sản do bà L4 còn lại là  $938\text{m}^2$ ) không thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1225/QSĐĐ ngày 28/5/1993 cấp cho bà L4. Căn cứ các tài liệu như: Sổ hộ khẩu được Công an huyện L cấp ngày 06/3/2012 (bl số 248), Sổ đăng ký lưu trú đứng tên ông Huỳnh Thanh H1 tại địa chỉ 79/6 ấp 4 xã K huyện L (bl số 237) và Xác nhận ngày 05/05/2021 của công

an Xuân Thới Thượng huyện L đều cho thấy Bà Nh không sinh sống tại đây. Trên phần đất tranh chấp (bao gồm phần đất chênh lệch sau đo đạc thực tế) có các tài sản gồm: Căn nhà có diện tích xây dựng 198,2m<sup>2</sup> thuộc giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00435 được UBND huyện L cấp ngày 06/5/2013 và căn nhà có diện tích xây dựng 172,9m<sup>2</sup> thuộc giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 02046 được UBND huyện L cấp ngày 28/12/2015 được xây dựng sau khi bà L4 lập di chúc để lại quyền sử dụng 938m<sup>2</sup> diện tích thuộc thửa 2212, tờ bản đồ số 3 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1229/QSDĐ ngày 28/5/1993 cho ông Huỳnh Thanh H1. Bị đơn ông Huỳnh Thanh H1 trình bày tại văn bản ghi ý kiến ngày 28/6/2019 ở cấp sơ thẩm như sau "*.. Hai căn nhà với diện tích xây dựng như trên là do bị đơn xây dựng năm 2011 và các con của bị đơn ở ổn định đến nay .*" (b1 số 273, 274). Các đương sự khác thì không có lời khai hay ý kiến gì về việc này. Bà Nh không có công sức khai phá hay tôn tạo đối với phần diện tích đất này, không sinh sống tại phần diện tích đất trên, nên có căn cứ xác định toàn bộ phần đất tranh chấp bao gồm diện tích chênh lệch nêu trên là do ông H1 được bà L4 tặng cho và có được trong quá trình sử dụng.

[10] Do yêu cầu phân chia di sản thừa kế và nhận đất thừa kế của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Nh không được chấp nhận, cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết việc thanh toán giá trị công trình xây dựng trên đất là có căn cứ.

[11] Ngân hàng Thương mại cổ phần DTVN có ý kiến trường hợp ông Huỳnh Thanh H1 có vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký thì sẽ khởi kiện ông Huỳnh Thanh H1 trong vụ án khác, nên cấp sơ phúc thẩm không xem xét giải quyết trong vụ án này là phù hợp.

[12] Về chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm: Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên đúng quy định của pháp luật.

[13] Từ các phân tích nêu trên, HĐXX xét thấy nguyên đơn bà Huỳnh Thị Nh kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào khác nên kháng cáo của nguyên đơn là không có căn cứ để chấp nhận, do đó đề nghị của Viện kiểm sát thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận, cần giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 830/2020/DS-ST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện L.

[14] Về án phí dân sự phúc thẩm.

Do kháng cáo không được chấp nhận, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Nh phải theo quy định theo quy định tại Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;
- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Huỳnh Thị Nh

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 830/2020/DS-ST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện L, TP. Hồ Chí Minh.

*Tuyên xử:*

[1] Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Nh về việc yêu cầu Tòa án tuyên hủy di chúc lập ngày 29/5/2009 của bà Hà Thị L4; yêu cầu Tòa án phân chia di sản thừa kế của ông Huỳnh Văn B1 và bà Hà Thị L4 để lại theo quy định của pháp luật và yêu cầu nhận phần đất tại Khu 1 có diện tích 189,7m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 2212, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại xã K, huyện L, Thành phố Hồ Chí Minh theo bản đồ hiện trạng vị trí số hợp đồng: 105438/TTĐĐBĐ- CNHM do Trung tâm đo đạc bản đồ - Sở Tài nguyên và môi trường Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 17/6/2020.

[2] Đình chỉ giải quyết yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị X về việc không chấp nhận yêu cầu chia phần đất có diện tích 1.152,8m<sup>2</sup> của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Nh và yêu cầu công nhận phần diện tích 200m<sup>2</sup>, trên đất có căn nhà địa chỉ: 79/6B Ấp 4, xã K, huyện L, Thành phố Hồ Chí Minh mà bà Huỳnh Thị X đang trực tiếp quản lý, sử dụng là tài sản riêng của bà Huỳnh Thị X (do bà Huỳnh Thị X đã rút toàn bộ đơn yêu cầu độc lập).

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Án phí dân sự sơ thẩm bà Huỳnh Thị Nh phải chịu là 600.000 đồng, được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.000.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0004233 ngày 17 tháng 6 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Huỳnh Thị Nh được nhận lại số tiền 11.400.000 đồng.

Hoàn trả lại cho bà Huỳnh Thị X số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0076160 ngày 10 tháng 8 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, Thành phố Hồ Chí Minh.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm.

Bà Huỳnh Thị Nh phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu Tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2019/0076420 ngày 12/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

[5] Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND TP.HCM;
- TAND H. Học Môn, TPHCM;
- Chi cục THADS H. Học Môn, TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu;

**Lê Thị Ngọc Hương**